

CHƯƠNG VI. CƠ CẤU NỀN KINH TẾ

BÀI 26: CƠ CẤU NỀN KINH TẾ

I. Các nguồn lực phát triển kinh tế

1. Khái niệm

Nguồn lực là tổng thể vị trí địa lí, các nguồn tài nguyên thiên nhiên, hệ thống tài sản quốc gia, nguồn nhân lực, đường lối chính sách, vốn và thị trường... ở cả trong và ngoài nước có thể được khai thác nhằm phục vụ cho việc phát triển kinh tế của một lãnh thổ nhất định.

2. Các loại nguồn lực

***/ Căn cứ vào nguồn lực được phân thành 3 loại**

- Vị trí địa lí.
- Tự tự nhiên.
- Kinh tế-xã hội.

***/ Căn cứ vào phạm vi lãnh thổ:**

- Nguồn lực bên trong: Vị trí địa lí, TN, KT-XH trong nước.
- Nguồn lực bên ngoài: Vốn, thị trường, KH và công nghệ, kinh nghiệm quản lí SX, kinh doanh từ các nước khác.

3. Vai trò của các nguồn lực đối với phát triển kinh tế

- Nguồn lực vị trí địa lí (tự nhiên, kinh tế, chính trị, giao thông...) tạo điều kiện thuận lợi hay khó khăn trong việc trao đổi, tiếp cận hay cùng phát triển giữa các vùng trong một nước, giữa các quốc gia với nhau.
- Nguồn lực tự nhiên (đất, KH, nước, biển, SV, khoáng sản):
 - + Là cơ sở tự nhiên cho các quá trình SX
 - + Là nguồn lực quan trọng, là điều kiện cần cho quá trình sản xuất.
- Kinh tế-xã hội (dân cư, thị trường, vốn, KH-KT, chính sách và xu thế phát triển...) có vai trò quan trọng để lựa chọn chiến lược phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước trong từng giai đoạn

***/ Căn cứ vào phạm vi lãnh thổ:**

- Nguồn lực bên trong: Vị trí địa lí, TN, KT-XH trong nước.
- Nguồn lực bên ngoài: Vốn, thị trường, KH và công nghệ, kinh nghiệm quản lí SX, kinh doanh từ các nước khác.

II. Cơ cấu nền kinh tế:

1. Khái niệm

Cơ cấu kinh tế là tổng thể các ngành, lĩnh vực, bộ phận kinh tế có quan hệ hữu cơ tương đối ổn định hợp thành.

2. Các bộ phận hợp thành cơ cấu nền kinh tế

a. Cơ cấu ngành kinh tế: 3 nhóm

- Tập hợp tất cả các ngành hình thành nên nền kinh tế và các mối quan hệ tương đối ổn định giữa chúng
 - Các nước phát triển: dịch vụ, công nghiệp chiếm tỉ lệ cao.
 - Các nước đang phát triển: nông nghiệp còn chiếm tỉ lệ cao mặc dù công nghiệp, dịch vụ đã tăng
 - Việt Nam: I giảm, II tăng, III ổn định.
- b. Cơ cấu thành phần kinh tế
- Được hình thành trên cơ sở chế độ sở hữu bao gồm nhiều thành phần kinh tế có tác động qua lại với nhau.
 - Gồm: Kinh tế Nhà nước, KT ngoài Nhà nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.
- c. Cơ cấu lãnh thổ
- Gắn bó chặt chẽ với cơ cấu ngành bao gồm: toàn cầu, khu vực, quốc gia, vùng.
 - Là sản phẩm của quá trình phân công lao động theo lãnh thổ, các bộ phận cấu thành có quan hệ chặt chẽ với nhau, cơ cấu hợp lí thì thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng nhanh.

Chương VII: ĐỊA LÝ NÔNG NGHIỆP

BÀI 27: VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM, CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN, PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP. MỘT SỐ HÌNH THỨC TỔ CHỨC LÃNH THỔ NÔNG NGHIỆP.

I- Vai trò và đặc điểm của nông nghiệp

1- Vai trò

- Là một ngành sản xuất vật chất không thể thay thế được.
- Cung cấp lương thực, thực phẩm.
- Nguyên liệu cho công nghiệp.
- Nguồn hàng xuất khẩu thu ngoại tệ.
- Hiện nay 40% thế giới tham gia hoạt động nông nghiệp, chiếm 4% GDP toàn cầu.

2. Đặc điểm:

- a/ Đất trồng là tư liệu sản xuất và không thể thay thế
- b/ Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là cây trồng, vật nuôi.
- c/ Sản xuất nông nghiệp có tính mùa vụ.
- d/ SXNN phụ thuộc vào điều kiện TN
- e/ Trong nền kinh tế hiện đại, NN trở thành ngành sản xuất hàng hóa

II. Các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố nông nghiệp

1. Các nhân tố tự nhiên

- a. Đất đai : Quỹ đất , tính chất đất và độ phì.
- b. Khí hậu và nguồn nước : Chế độ nhiệt ẩm, các điều kiện thời tiết, nước trên mặt và nước ngầm.
- c. Sinh vật

2. Các nhân tố kinh tế-xã hội

- a. Dân cư và nguồn lao động
- b. Quan hệ sở hữu ruộng đất
- c. Tiến bộ Khoa học-Kỹ thuật
- d. Thị trường

III. Một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp

Trang trại : Hình thành trong thời kỳ công nghiệp hoá , Mục đích là sản xuất hàng hoá dựa trên thâm canh và chuyên môn hoá

Vùng nông nghiệp : là lãnh thổ nông nghiệp đồng nhất về điều kiện sản xuất để phân bố cây trồng vật nuôi và hình thành vùng chuyên môn hoá nông nghiệp.

Bài 28: ĐỊA LÝ NGÀNH TRỒNG TRỌT

I- Vai trò ngành trồng trọt

- Là nền tảng của sản xuất nông nghiệp.
- Cung cấp lương thực, thực phẩm cho dân cư.
- Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.
- Cơ sở phát triển chăn nuôi.
- Nguồn xuất khẩu có giá trị

II. Cây lương thực

1. Vai trò

- Cung cấp tinh bột và chất dinh dưỡng cho người và gia súc.
- Cung cấp nguyên liệu cho ngành CN chế biến.
- Là hàng hóa xuất khẩu có giá trị.

2. Các cây lương thực chính

Cây lương thực	Đặc điểm sinh thái	Vai trò, tình hình sản xuất	Phân bố chủ yếu

Lúa gạo	Ưa khí hậu nóng ẩm, chân ruộng ngập nước.	Sản lượng 585 triệu tấn (2005). Chiếm 29% SLLT, nuôi sống hơn 50% dân số	Xuất khẩu nhiều gạo: Thái Lan, Việt Nam, Hoa Kỳ
Lúa mì	Cây ôn đới, cần nhiệt, ưa khí hậu khô, đất màu mỡ, nhiều phân bón, nhiệt độ thấp vào đầu thời kỳ sinh trưởng.	Sản lượng 557,3 triệu tấn (2005). Chiếm 26,7% SLLT	Trồng nhiều: Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Pháp, Nga, Canada, Ôxtrâyliia. Xuất khẩu nhiều: Hoa Kỳ, Canada
Ngô	Nhiệt đới, cần nhiệt đới, ôn đới nóng.	Sản lượng 635,7 triệu tấn (2005). Chiếm 31,4% SLLT	Hoa Kỳ, Trung Quốc, Braxin, Meehicô, Pháp, Achentina

3. Cây lương thực khác

- Đại mạch, mạch đen, yến mạch, khoai tây (ôn đới), kê, cao lương, khoai lang, sắn(Nhiệt đới và cận nhiệt khô hạn).
- Đặc điểm: Dễ tính, không kén đất không đòi hỏi nhiều phân bón nhiều công chăm sóc khả năng chịu hạn giỏi.
- Làm thức ăn cho ngành chăn nuôi, nguyên liệu nấu rượu, đối với nhiều nước đang phát triển ở Châu Phi và Nam Á.

III. Cây công nghiệp

1. Vai trò và đặc điểm.

a. Vai trò:

- Nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến.
- Tận dụng tài nguyên đất, phá thế độc, bảo vệ môi trường.
- Mặt hàng sản xuất có giá trị.

b. Đặc điểm :

- Là cây ưa nhiệt, ẩm, cần đất thích hợp, cần nhiều lao động có kỹ thuật và kinh nghiệm.
- Được trồng nơi có điều kiện thuận lợi nhất.

2. Các cây công nghiệp chủ yếu.

- Cây lấy đường

+ Mía: Nhiệt độ 30⁰-35⁰C, dưới 10⁰C cây chết, khi thu hoạch cần thời tiết khô hanh tích lũy đường, phân bố vành đai 30⁰ B -30⁰ N

+ Củ cải đường: Miền ôn đới, cần nhiệt được trồng từ 47⁰B-54⁰B

- Cây lấy sợi

+ Cây bông: Phát triển ở nhiệt độ 17-30⁰C, nhiệt độ tốt nhất 25-30⁰C, lượng mưa 800-1000mm/năm, khí hậu ổn định, đất tốt, mùa đông ra quả phải có mưa nhiều, lúc quả chín phải tuyệt đối khô hanh, giới hạn từ 42⁰B-32⁰N.

- Cây lấy dầu: Cây đậu tương: Nhiệt đới, cận nhiệt đới, ôn đới, ưa ẩm, đất tơi xốp, thoát nước.

- Cây cho chất kích thích

+ Chè: Nguồn gốc ĐN Trung Quốc, Mianma, Việt Nam, ưa nhiệt từ 15-20⁰C, tổng nhiệt 8000⁰C, mưa 1500-2000mm, ẩm 70-80%, pH từ 4-6, giới hạn 10⁰N-30⁰B.

+ Cà phê: Phát triển ở nhiệt độ 15⁰C, mưa 1900-3000mm, phân bố đều trong năm, trồng giữa hai chí tuyến.

-Cây lấy nhựa: Cao su: Phát tri ở nhiệt độ 22-27⁰ C, mưa 1500-2500mm/năm, thích hợp đất ba dan.

4. Ngành trồng rừng

1. Vai trò của rừng:

- Quan trọng với môi trường sinh thái và con người.

- Điều hòa lượng nước trên mặt đất.

- Lá phổi xanh của Trái đất, bảo vệ đất, chống xói mòn.

- Cung cấp lâm đặc sản, phục vụ sản xuất, đời sống công nghiệp, xây dựng dân sinh, nguyên liệu giấy, thực phẩm, dược liệu quý...

2. Tình hình trồng rừng:

- Trên thế giới rừng đang bị tàn phá do con người.

- Diện tích trồng rừng trên thế giới: 1980: 17,8 triệu ha; 1990: 43,6 triệu ha.

- Nước trồng rừng nhiều: Trung Quốc, Ấn Độ, LB Nga, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Braxin, Thái Lan...

BÀI 29 ĐỊA LÍ NGÀNH CHĂN NUÔI

I.Vai trò và đặc điểm ngành chăn nuôi

*Khái niệm vật nuôi:Vật nuôi vốn là các động vật hoang được con người thuần dưỡng, chọn giống, lai tạo, làm cho chúng thích ghi với cuộc sống gần người

1. Vai trò

- Cung cấp thực phẩm có dinh dưỡng cao cho con người.
- Cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chế biến.
- Cung cấp hàng xuất khẩu có giá trị.
- Cung cấp sức kéo, phân bón cho ngành trồng trọt, tận dụng phụ phẩm của ngành trồng trọt.

2. Đặc điểm

- Cơ sở thức ăn cho chăn nuôi: quyết định sự phát triển và phân bố của ngành chăn nuôi.
- + Đồng cỏ tự nhiên và diện tích mặt nước.
- + Hoa màu, cây lương thực.
- + Thức ăn chế biến tổng hợp.
- Trong nền nông nghiệp hiện đại, ngành chăn nuôi có nhiều thay đổi về hình thức (Chăn thả, chăn nuôi nửa chuồng trại và chuồng trại, chăn nuôi công nghiệp) và phát triển theo hướng chuyên môn hoá

II. Các ngành chăn nuôi

Các ngành	Trâu, bò	Lợn	Cừu, dê	Gia cầm
Vai trò	- Vị trí hàng đầu trong ngành chăn nuôi - Chuyên môn hóa: thịt, sữa – thịt - Thịt, sữa, da - Sức kéo, phân	Thịt, mỡ, da, phân bón	- Cừu: lông, thịt, sữa - Dê: thịt, sữa	Thịt, trứng, nguyên liệu cho công nghiệp chế biến
Đặc điểm	- Trâu ở vùng cỏ nhiệt đới ẩm - Bò ở vùng đồng cỏ tươi tốt	Ăn tạp, nuôi ở vùng lương thực thâm canh	Nuôi nhiều ở vùng đồng cỏ khô cằn	Nuôi ở các khu dân cư (hướng công nghiệp)
Phân bố	- Trâu: TQ, Ấn Độ, Pa – kit – tan, ĐNA...	TQ, Hoa Kỳ, Braxin, LB Đức, Tây Ban	TQ, Ô – tây – li – a, Ấn Độ, I – ran, Niu-	Trên thế giới, Đặc Biệt TQ, Hoa Kỳ, EU,

		Nha, Việt Nam	di-lân, Anh	Xu - đăng
--	--	---------------	-------------	-----------

III. Ngành nuôi trồng thủy sản

1. Vai trò

- Cung cấp đạm động vật bổ dưỡng, dễ hấp thụ, có lợi cho sức khỏe.
- Cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến thực phẩm.
- Là mặt hàng xuất khẩu có giá trị.

2. Tình hình nuôi trồng thủy sản

- Sản lượng thủy sản nuôi trồng khoảng 35 triệu tấn chiếm 1/5 lượng thủy sản của thế giới và có xu hướng ngày càng tăng.
- Sản phẩm nuôi trồng phong phú: tôm, cá, cua, đồi mồi, trai ngọc, rong, tảo biển...
- Các nước phát triển ngành nuôi trồng thủy sản: Trung Quốc, Nhật, Pháp, Hoa Kỳ, Canada, Hàn Quốc, Đông Nam Á.